

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 05/2024/HS-ST
Ngày 03 tháng 02 năm 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Nguyễn Thị Minh Phượng;

Các Hội thẩm nhân dân: ông Đặng Huy Châu, ông Nguyễn Thanh Tân.

- Thư ký phiên tòa: ông Ngô Huỳnh Đức – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên tòa: ông Phạm Văn Nhân - Kiểm sát viên cao cấp Viện kiểm sát nhân dân tối cao; ông Phạm Hải Cảng - Kiểm sát viên trung cấp Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang.

Ngày 03 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 01/2024/TLST-HS ngày 05/01/2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2024/QĐXXST-HS ngày 22/01/2024, đối với các bị cáo:

1. Hồ Văn T, sinh ngày 20/5/1968, tại An Giang; nơi cư trú: số E khóm B, phường B, thành phố L, tỉnh An Giang; quốc tịch: Việt Nam; giới tính: nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp, chức vụ khi phạm tội: Thượng tá, Trưởng phòng Cảnh sát kinh tế, Phó Thủ trưởng Cơ quan CSĐT Công an tỉnh A; đảng, đoàn: là đảng viên Đ2, đã bị khai trừ ra khỏi đảng; con ông Hồ Văn C1 và bà Huỳnh Thị S, vợ là Nguyễn Kim H và có 02 con; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 30/6/2023 cho đến nay, hiện đang tạm giam tại Trại tạm Công an tỉnh A (có mặt).

2. Lê Tấn T1, sinh ngày 14/4/1965, tại An Giang; nơi cư trú: B khóm B, phường B, thành phố L, tỉnh An Giang; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp, chức vụ khi phạm tội: Thượng tá, Phó Trưởng phòng Cảnh sát kinh tế Công an tỉnh A; đảng, đoàn: là đảng viên Đ2, đã bị khai trừ ra khỏi đảng; con ông Lê Văn H1 và bà Nguyễn Thị B; vợ là La Thị H2 và có 01 con; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 22/10/2022 cho đến nay, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh A (có mặt).

3. Nguyễn Minh T2, sinh ngày 06/11/1977, tại Đồng Nai; nơi cư trú: số C đường T, khóm T, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang; quốc tịch: Việt Nam;

dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; giới tính: nam; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp, chức vụ khi phạm tội: Trung tá, Điều tra viên Cơ quan CSĐT Công an tỉnh A; đảng, đoàn: là đảng viên Đ2, đã bị khai trừ ra khỏi đảng; con ông Nguyễn Minh C2 và bà Huỳnh Thị T3; vợ là Phạm Thị Thu H3 và có 01 con; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 30/6/2023 cho đến nay, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh A (có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo Hồ Văn T: Luật sư Lê Văn P – Văn phòng luật sư Lê Văn P, Đoàn Luật sư tỉnh A; địa chỉ: số F Đ, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang (có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo Lê Tấn T1: Luật sư Đoàn Thái Duyên H4, Luật sư Đỗ Quốc H5 và Luật sư Nguyễn Mạnh P1 – Văn phòng L2, Đoàn Luật sư Thành phố H; địa chỉ: phòng A, tầng A, Tòa nhà V, số G L, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt ông P1, vắng mặt ông H4 và ông H5).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án:

- Võ Văn H6, sinh ngày 26/12/1973; địa chỉ: số G N, khóm Đ, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang (vắng mặt);

- Trịnh Thị Mỹ T4, sinh ngày 16/7/1983; địa chỉ: số B B, khóm Đ, phường Đ, thành phố L, tỉnh An Giang (vắng mặt);

- Bùi Văn M, sinh ngày 10/3/1984, hiện đang chấp hành án phạt tù tại Trại giam K1 – Bộ C3 (vắng mặt);

- Võ Minh P2, sinh ngày 18/01/1990, hiện đang chấp hành án phạt tù tại Trại giam Đ3 – Bộ C3 (vắng mặt);

- Trần Công T5, sinh ngày 09/10/1987, hiện đang chấp hành án phạt tù tại Trại giam Đ3 – Bộ C3 (vắng mặt);

- Nguyễn Thị Kim H7, sinh ngày 07/3/1969, hiện đang tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện T, tỉnh An Giang (vắng mặt);

- Nguyễn Hoàng Ú, sinh ngày 30/4/1971, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh A (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2018, qua công tác nắm tình hình, Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về kinh tế, chức vụ (Cục C4) Bộ C3, phát hiện trên địa bàn tỉnh An Giang có tổ chức hoạt động buôn lậu hàng hóa quy mô lớn mang tính chất chuyên nghiệp từ Campuchia về Việt Nam, do Nguyễn Thị Kim H7 (Mười T6) và Nguyễn Hoàng Ú (Út M1) là chị em ruột cầm đầu, có sự giúp sức của Võ Minh P2, Trần Công T5, Bùi Văn M và một số đối tượng khác. Ngày 23/12/2018, tại khu vực kênh R, xã P, huyện A, tỉnh An Giang, Cục C4 Bộ C3 đã bắt quả tang 04 đối tượng gồm Nguyễn Văn D, Lê Văn Đ, Nguyễn Văn L, Trần Văn T7 đang vận chuyển hàng

buôn lậu (gồm đường cát, quần áo, giày dép, túi xách cũ có trị giá là 1.034.947.000 đồng) trên 04 thuyền máy từ Campuchia qua biên giới về Việt Nam.

Ngày 28/12/2018, Cục C4 Bộ C3 ra Quyết định khởi tố vụ án hình sự và các Quyết định khởi tố bị can, Lệnh tạm giam đối với Nguyễn Văn D, Lê Văn Đ, Nguyễn Văn L và Trần Văn T7 về tội “*Buôn lậu*”. Mở rộng điều tra, ngày 30/01/2019, Cục C4 Bộ C3 tiếp tục ra các quyết định khởi tố bị can, lệnh bắt tạm giam đối với Võ Minh P2, Trần Công T5 và Bùi Văn M về tội “*Buôn lậu*” nhưng do các bị can này bỏ trốn nên Cục C4 Bộ C3 đã ra Quyết định truy nã các bị can.

Ngày 11/09/2019, Cục C4 Bộ C3 chuyển hồ sơ vụ án “*Buôn lậu*” đến Cơ quan CSĐT (PC03) Công an tỉnh A để tiếp tục điều tra theo thẩm quyền. Tại Công văn số 4437/C03-P14 ngày 09/9/2019, Cục C4 Bộ C3 có nội dung: “*Có tài liệu xác định Nguyễn Hoàng Ú, Nguyễn Thị Kim H7 đứng ra tổ chức điều hành đường dây buôn lậu...*”. Sau khi tiếp nhận hồ sơ, Lãnh đạo Công an tỉnh A phân công thụ lý điều tra vụ án gồm các ông: Lê Văn Đ1, Trưởng phòng PC03, Phó Thủ trưởng Cơ quan CSĐT; Lê Tấn T1, Phó Trưởng phòng PC03; Trần Văn T8, Điều tra viên (thụ lý chính); Nguyễn Minh T2, Điều tra viên, thụ lý giải quyết vụ án này. Do các bị can Võ Minh P2, Trần Công T5 và Bùi Văn M là các đối tượng trực tiếp giao dịch với Nguyễn Hoàng Ú, Nguyễn Thị Kim H7 đang bỏ trốn và chưa thu thập được tài liệu chứng minh chủ sở hữu số hàng buôn lậu bị bắt giữ nên Cơ quan PC03 Công an tỉnh A đã ra Quyết định bổ sung Quyết định khởi tố vụ án về tội “*Vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới*”; thay đổi tội danh đối với các bị can D, Đ, L, T7 từ tội “*Buôn lậu*” sang tội “*Vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới*”.

Ngày 13/11/2019, Cơ quan PC03 Công an tỉnh A kết thúc điều tra vụ án, đề nghị truy tố các bị can Nguyễn Văn D, Lê Văn Đ, Nguyễn Văn L, Trần Văn T7 về tội “*Vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới*” và quyết định tách hành vi “*Buôn lậu*” đối với các bị can Võ Minh P2, Trần Công T5, Bùi Văn M để khi bắt được sẽ điều tra xử lý sau; sau đó đến ngày 28/12/2019 đã ra Quyết định tạm đình chỉ điều tra đối với các bị can này. Ngày 28/11/2019, Viện kiểm sát nhân dân (VKSND) tỉnh An Giang ban hành Cáo trạng quyết định truy tố các bị can Nguyễn Văn D, Lê Văn Đ, Nguyễn Văn L và Trần Văn T7 về tội “*Vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới*”. Ngày 17/01/2020, Tòa án nhân dân (TAND) tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm, tuyên phạt mỗi bị cáo 02 năm tù.

Khoảng đầu tháng 4 năm 2020, các bị can Võ Minh P2, Trần Công T5, Bùi Văn M đang lẩn trốn tại Campuchia có ý định về nước để ra đầu thú nên đã gọi điện nói người nhà đến gặp Nguyễn Thị Kim H7 (M) nhờ giúp đỡ và nhờ xin được tại ngoại sau khi ra đầu thú. Mười Tường biết Lê Tấn T1 có quan hệ họ hàng với chồng mình là Huỳnh Bá K, nên đã điện thoại nhờ T1 giúp đỡ cho P2, T5, M khi ra đầu thú được tại ngoại và vụ án được giải quyết nhanh. Lê Tấn T1 báo cáo với Hồ Văn T (thời điểm này là Trưởng phòng PC03 Công an tỉnh A,

thay ông Lê Văn Đ1) cho biết Nguyễn Thị Kim H7 (M) là quan hệ họ hàng với T1 và nhờ giúp cho P2, T5, M được tại ngoại khi ra đầu thú. Hồ Văn T sau khi được T1 báo cáo đề nghị giúp đỡ các bị can trong vụ án, đồng thời T cho rằng Mười T6 có mối quan hệ thân thiết với ông Bùi Bé T9, Giám đốc Công an tỉnh A nên T đến gặp ông Bùi Bé T9 báo cáo với lý do *“các đối tượng P2, T5, M từ Campuchia trở về, nếu tạm giam sẽ bị lây bệnh Covid19 trong Trại tạm giam, do vậy đề xuất cho các bị can này được tại ngoại”*. Ông Bùi Bé T9 chỉ đạo T báo cáo xin ý kiến ông Nguyễn Tấn P3, Phó Giám đốc, Thủ trưởng CQCSĐT Công an tỉnh A, thì ông P3 chỉ đạo T trao đổi với VKSND tỉnh An Giang để thống nhất. Hồ Văn T tiếp tục gọi điện thoại trao đổi với ông Võ Văn H6, Trưởng phòng 1 của VKSND tỉnh An Giang về nội dung như đã báo cáo với ông Bùi Bé T9 và ông Nguyễn Tấn P3 nêu trên. Ông Võ Văn H6 báo cáo xin ý kiến các ông Lê Xuân H8, Viện trưởng, Nguyễn Văn T10, Phó Viện trưởng VKSND tỉnh An Giang đồng ý cho các bị can P2, T5, M được tại ngoại. Sau đó, Hồ Văn T thông báo cho Lê Tấn T1 biết để thông báo cho các bị can này.

Từ ngày 12/4/2020 đến ngày 20/4/2020, các bị can Bùi Văn M, Võ Minh P2, Trần Công T5 trở về Việt Nam. Trước khi ra đầu thú, các bị can đến nhà riêng gặp Nguyễn Thị Kim H7 (M), được Mười T6 hứa cho tiền thuê luật sư bào chữa và hướng dẫn các bị can khi làm việc với cơ quan Công an chỉ được khai là chở hàng thuê cho người tên H9 ở Campuchia, không được khai tổ chức buôn lậu do Nguyễn Thị Kim H7 (Mười T6) và Nguyễn Hoàng Ú (Út M1) cầm đầu.

Khi các bị can ra đầu thú, Lãnh đạo Công an tỉnh A phân công Hồ Văn T, Trưởng phòng PC03, Lê Tấn T1, Phó Trưởng phòng PC03 và Nguyễn Minh T2, Điều tra viên PC03 Công an tỉnh A tiếp nhận các bị can và phục hồi điều tra vụ án. Lê Tấn T1 nhận được thông tin đã báo cáo Hồ Văn T thì T, T1 thống nhất chỉ đạo Điều tra viên Nguyễn Minh T2 làm thủ tục tiếp nhận để đưa các bị can đi cách ly y tế. Sau khi lấy lời khai các bị can, T2 phát hiện các bị can đều khai báo không thành khẩn (*khai chở hàng thuê cho người tên H9 ở Campuchia, không biết việc mình đang bị truy nã, không thừa nhận vận chuyển hàng buôn lậu cho Mười T6, Út M1*) nên T2 đã gọi điện thoại báo cáo nội dung này với T, T1 nhưng không có ý kiến chỉ đạo, nên T2 làm thủ tục đưa 03 bị can đi cách ly y tế; đề xuất các thủ tục tố tụng, quyết định phục hồi điều tra và áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú đối với P2, T5, M trình Hồ Văn T ký. Hồ Văn T do đã được Lê Tấn T1 nhờ từ trước nên ký các thủ tục tố tụng và cho áp dụng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú đối với các bị can này.

Các bị can trong vụ án *“Buôn lậu”* gồm Võ Minh P2, Trần Công T5 và Bùi Văn M sau khi được tại ngoại, đã được Mười T6 và Út M1 hướng dẫn khai báo gian dối, nên khi bị hỏi cung thì P2, T5, M chỉ khai làm thuê cho người tên H9 ở Campuchia, không thừa nhận liên quan đến vụ án *“Buôn lậu”* xảy ra ngày 23/12/2018, không khai ra hành vi của Mười T6, Út M1. Thấy các bị can có dấu hiệu thông cung khai báo gian dối, Nguyễn Minh T2 đề xuất bắt tạm giam các bị can để phục vụ điều tra nhưng Hồ Văn T, Lê Tấn T1 không đồng ý.

Trong quá trình phục hồi điều tra vụ án “*Buôn lậu*”, ban đầu Điều tra viên Nguyễn Minh T2 đã nhận thức được nhiệm vụ điều tra chứng minh tội phạm và xây dựng Kế hoạch điều tra trình Hồ Văn T phê duyệt, trong đó nêu rõ hồ sơ vụ án có tài liệu, chứng cứ xác định vai trò liên quan của Mươi T6, Út M1, đề ra các nội dung điều tra để xác định mối quan hệ của Mươi T6, Út M1 với các đối tượng đã bị khởi tố; nhận dạng, lấy lời khai Mươi T6; truy tìm xác minh Út Mạnh; xác định chủ của số hàng lậu bị bắt ngày 23/12/2018. VKSND tỉnh An Giang đã ban hành 02 Yêu cầu điều tra, yêu cầu làm rõ hành vi liên quan của Mươi T6 và Út M1 (bút lục 1017-1043, 4169-4180, 6628-6643). Sau nhiều lần Nguyễn Minh T2 báo cáo đề xuất những nội dung cần điều tra trong vụ án nhưng thấy Hồ Văn T, Lê Tấn T1 không muốn chỉ đạo điều tra làm rõ hành vi phạm tội của Mươi T6, Út M1 và đồng bọn, không muốn mở rộng điều tra vụ án “*Buôn lậu*”, nên Nguyễn Minh T2 cho rằng các bị can có mối quan hệ với lãnh đạo của mình. Đồng thời, ngày 12/02/2020, T2 nhắn tin cho Lê Phước L1 là người trông coi vườn mít cho Mươi T6 với nội dung muốn Mươi T6 cho T2 mượn vài chục triệu đồng để sửa nhà, sau đó L1 nói lại với T2 là Mươi T6 không cho mượn. Tuy nhiên, T2 khai đã nhận được rượu, quà, bánh từ Mươi Tường thông qua Lê Phước L1 trong quá trình điều tra vụ án “*Buôn lậu*”.

Xuất phát từ những động cơ nêu trên, nên khi tiến hành điều tra, Nguyễn Minh T2 đã không thực hiện các biện pháp điều tra theo kế hoạch hoặc có nội dung thực hiện nhưng không ghi nhận kết quả bằng biên bản để đưa vào hồ sơ vụ án (như cho các đối tượng vận chuyển hàng buôn lậu nhận dạng qua ảnh, làm việc với D, Đ, L, T7 liên quan đến dữ liệu trích list điện thoại...); chỉ thực hiện hỏi cung các bị can P2, T5, M và lấy lời khai Nguyễn Văn D, Lê Văn Đ, Nguyễn Văn L, Trần Văn T7 là các đối tượng đã bị khởi tố, xét xử trước đó để kết luận điều tra vụ án “*Buôn lậu*” theo hướng các đối tượng chỉ là những người vận chuyển hàng buôn lậu, không xác định được đối tượng buôn lậu chủ mưu; Điều tra viên T2 không sử dụng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ liên quan đến hành vi phạm tội của Mươi T6, Út M1 để điều tra làm rõ; không thực hiện các biện pháp điều tra khác như đối chất, nhận dạng; không lấy lời khai của Mươi T6 và không xác minh truy tìm đối tượng Út M1 để làm rõ các mâu thuẫn, đánh giá vai trò của các đối tượng trong vụ án, bỏ lọt tội phạm “*Buôn lậu*” với các đối tượng cầm đầu là Mươi T6 và Út M1. Sau đó, dựa trên kết quả điều tra này, Nguyễn Minh T2 đề xuất với Hồ Văn T, Lê Tấn T1 hợp với VKSND tỉnh An Giang thống nhất thay đổi quyết khởi tố vụ án và quyết định khởi tố bị can đối với các bị can Võ Minh P2, Trần Công T5, Bùi Văn M từ tội “*Buôn lậu*” sang tội “*Vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới*”. Đề xuất của Nguyễn Minh T2 đã được Hồ Văn T và Lê Tấn T1 đồng ý. Ngày 14/10/2020, Nguyễn Minh T2 trình Hồ Văn T duyệt dự thảo Bản kết luận điều tra vụ án số 69/KLĐT-PC03-Đ3, trong đó đề nghị truy tố các bị can Võ Minh P2, Trần Công T5, Bùi Văn M về tội “*Vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới*”, đối với hành vi của Mươi T6, Út M1 thì đã căn cứ vào các lời khai không đúng sự thật của P2, T5, M để kết luận P2, T5, M không quen biết với Mươi T6, Út M1; không có cơ

sở để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với Mười T6, Út M1. Sau khi xem dự thảo Bản kết luận điều tra, Hồ Văn T không báo cáo xin ý kiến Thủ trưởng Cơ quan CSĐT theo quy định mà đồng ý ký Bản kết luận điều tra số 69/KLĐT-PC03-Đ3, đề nghị truy tố Võ Minh P2, Trần Công T5, Bùi Văn M về tội “*Vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới*”; đối với hành vi của Mười T6, Út M1 đã kết luận không có cơ sở để truy cứu trách nhiệm hình sự theo đề xuất của Nguyễn Minh T2.

Sau khi hồ sơ vụ án chuyển đến VKND tỉnh A để xem xét quyết định việc truy tố, Kiểm sát viên đã tiến hành phúc cung đối với Võ Minh P2, Trần Công T5, Bùi Văn M nhưng các bị can vẫn giữ nguyên lời khai. Ngày 05/11/2020, VKSND tỉnh An Giang ban hành Cáo trạng số 57/CT-VKSAG-P1, nội dung Bản Cáo trạng quyết định truy tố Võ Minh P2, Trần Công T5, Bùi Văn M về tội “*Vận chuyển trái phép hàng hoá qua biên giới*” theo tội danh Cơ quan điều tra đã kết luận điều tra; trong Cáo trạng có nêu đối với hành vi liên quan của Mười T6, Út M1 sẽ yêu cầu tiếp tục điều tra làm rõ. Ngày 05/02/2021, TAND tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm vụ án, tại phiên tòa, các bị cáo P2, T5, M thay đổi lời khai, thừa nhận Út M1 là chủ mưu, cầm đầu đường dây buôn lậu hàng hoá nên hồ sơ vụ án được Hội đồng xét xử trả lại Viện kiểm sát để điều tra bổ sung.

Trong giai đoạn điều tra bổ sung vụ án theo yêu cầu của Hội đồng xét xử TAND tỉnh An Giang, Giám đốc Công an tỉnh A đã giao vụ án này cho Văn phòng Cơ quan CSĐT (PC01) Công an tỉnh để điều tra bổ sung, kết quả điều tra đã làm rõ được vai trò của Nguyễn Thị Kim H7 (M), Nguyễn Hoàng Ú (Ú), trong đó, Mười T6 chủ sở hữu hàng lậu là người chủ mưu, cầm đầu điều hành đường dây buôn lậu bị bắt ngày 23/12/2018, chỉ đạo trực tiếp Út M1; Út M1 có trách nhiệm phụ trách vận chuyển hàng buôn lậu từ Campuchia về Việt Nam, trực tiếp chỉ đạo Võ Minh P2, Trần Công T5, Bùi Văn M thực hiện việc giao nhận hàng, canh đường lực lượng biên phòng ở trong nước; Trần Văn P4, Nguyễn Tường Cẩm T11 được Mười Tường chỉ đạo tiếp nhận chở hàng lậu giao cho khách hàng, ghi chép sổ sách, nhận tiền. Căn cứ vào kết quả điều tra bổ sung, Cơ quan PC01 Công an tỉnh A đã thay đổi quyết định khởi tố vụ án và thay đổi quyết định khởi tố bị can đối với Võ Minh P2, Trần Công T5, Bùi Văn M từ tội “*Vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới*” sang tội “*Buôn lậu*”. Khởi tố bị can đối với Nguyễn Hoàng Ú (Ú), Nguyễn Thị Kim H7 (M), Nguyễn Tường Cẩm T11, Trần Văn P4 về tội “*Buôn lậu*” để điều tra xử lý. Đến ngày 21/8/2023, vụ án trên đã được xét xử phúc thẩm, các bị cáo Nguyễn Thị Kim H7 bị xử phạt 14 năm tù; Nguyễn Hoàng Ú bị xử phạt 13 năm tù; Võ Minh P2, Trần Công T5, Bùi Văn M, Trần Văn P4 mỗi người bị xử 08 năm tù; Nguyễn Tường Cẩm T11 07 năm tù về tội “*Buôn lậu*”.

Trên cơ sở kết quả điều tra bổ sung vụ án, Ban Giám đốc và Ban Thường vụ Đảng ủy Công an tỉnh A nhận thấy có dấu hiệu sai phạm của các Điều tra viên và một số Lãnh đạo Phòng PC03 trong quá trình phục hồi điều tra vụ án “*Buôn lậu*” nên đã giao Ủy ban kiểm tra Công an tỉnh A kiểm tra khi có dấu

hiệu vi phạm đối với Điều tra viên Nguyễn Minh T2, Lê Tấn T1 và Hồ Văn T, Phó Thủ trưởng Cơ quan CSĐT. Kết quả kiểm tra xác định, Hồ Văn T, Nguyễn Minh T2, Lê Tấn T1 trong quá trình điều tra vụ án trên có động cơ vụ lợi cá nhân, cố ý làm trái các quy định của pháp luật trong việc điều tra vụ án; cố ý không thực hiện đầy đủ các hoạt động tố tụng theo quy định, dẫn đến bỏ lọt tội phạm và các đối tượng phạm tội đặc biệt nguy hiểm. Hành vi của các Điều tra viên này có dấu hiệu phạm vào tội “*Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ*” nên chuyển hồ sơ vụ việc đến Cơ quan điều tra VKSND tối cao điều tra theo thẩm quyền.

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra VKSND tối cao đã xác định được toàn bộ diễn biến vụ án như đã nêu, xác định cụ thể hành vi phạm tội của từng bị can là cán bộ, Điều tra viên của PC03 Công an tỉnh A như sau:

Ngày 23/12/2018, sau khi vụ án “*Buôn lậu*” do Nguyễn Thị Kim H7 (M) cầm đầu bị Cục C4 Bộ C3 bắt quả tang, Nguyễn Hoàng Ú (Ú) đã gọi điện chỉ đạo Trần Công T5 thông báo cho Võ Minh P2, Bùi Văn M rút bỏ điện thoại đang sử dụng và bỏ trốn sang Campuchia để không bị bắt giữ; nếu bị Công an phát hiện triệu tập làm việc thì khai là chở hàng thuê cho người tên H9 ở Campuchia, không được khai vận chuyển hàng cho Mười T6, Út M1, còn lại ở Việt Nam Út Mạnh sẽ lo cho gia đình. Sau đó, P2, T5, M đã bỏ trốn sang Campuchia và khi liên lạc về gia đình thì được biết mình đang bị khởi tố, truy nã.

Đối với Hồ Văn T: quá trình chỉ đạo phục hồi điều tra vụ án “*Buôn lậu*” do được Lê Tấn T1 báo cáo có quan hệ họ hàng với Nguyễn Thị Kim H7 (M) và nhờ T giúp đỡ cho các bị can Võ Minh P2, Trần Công T5, Bùi Văn M được tại ngoại sau khi đầu thú; Hồ Văn T đã đồng ý, dẫn tới các bị can này đã thông cung, khai báo gian dối, gây khó khăn cho hoạt động điều tra vụ án. Khi phê duyệt kế hoạch điều tra do Điều tra viên Nguyễn Minh T2 trình, biết rõ nội dung bản kế hoạch điều tra nhận định, đánh giá các tài liệu chứng cứ phản ánh trực tiếp về hành vi buôn lậu của Mười T6, Út M1 và các biện pháp điều tra phải thực hiện, biết rõ nhóm buôn lậu do Mười T6 cầm đầu đã tổ chức hoạt động kéo dài nhiều năm trên địa bàn tỉnh An Giang cần phải điều tra làm rõ để khởi tố xử lý nhưng Hồ Văn T đã không chỉ đạo Điều tra viên T2 thực hiện điều tra theo Kế hoạch; khi quyết định thay đổi tội danh từ tội “*Buôn lậu*” sang tội “*Vận chuyển trái phép hàng hoá qua biên giới*” và kết thúc điều tra vụ án, không báo cáo xin ý kiến của Thủ trưởng Cơ quan CSĐT theo quy định. Tại Cơ quan điều tra VKSND tối cao, Hồ Văn T khai nhận: nguyên nhân T không chỉ đạo Điều tra viên Nguyễn Minh T2 điều tra làm rõ hành vi buôn lậu của Mười T6, Út M1 vì qua dư luận xã hội ở địa phương và suy nghĩ của cá nhân T cho rằng Mười T6 và ông Bùi Bé T9, Giám đốc Công an tỉnh A có mối quan hệ thân thiết nên Hồ Văn T đã chủ động né tránh điều tra làm rõ sự thật vụ án vì ngại va chạm, sợ bị ảnh hưởng đến vị trí công tác của bản thân. Đồng thời việc Hồ Văn T đề xuất và quyết định cho các bị can P2, T5, M được tại ngoại trái quy định là vì trước đó

T1 đã nhờ T giúp đỡ cho Mười T6 và các bị can trên.

Đối với Nguyễn Minh T2: là Điều tra viên đã trực tiếp tham gia điều tra vụ án từ giai đoạn đầu, T2 biết rõ vai trò của các bị can Võ Minh P2, Trần Công T5, Bùi Văn M trong vụ án, khi được phân công làm thủ tục tiếp nhận đầu thú và ghi lời khai các bị can thấy các bị can khai báo gian dối, không thừa nhận hành vi phạm tội nhưng Nguyễn Minh T2 không đề xuất bắt tạm giam theo chức trách của Điều tra viên mà thực hiện theo chỉ đạo của Hồ Văn T, Lê Tấn T1 cho các bị can này tại ngoại. Khi nghiên cứu vụ án, T2 biết trong hồ sơ vụ án có nhiều tài liệu chứng cứ thể hiện Mười Tường, Út M1 là các đối tượng phạm tội có vai trò chủ mưu, cầm đầu đường dây buôn lậu, T2 đã chủ động xây dựng Kế hoạch điều tra đề ra các biện pháp điều tra và Kiểm sát viên VKSND tỉnh An Giang cũng đề ra các Yêu cầu điều tra làm rõ các nội dung này nhưng khi tiến hành điều tra, Nguyễn Minh T2 đã không thực hiện theo Kế hoạch, không sử dụng đầy đủ các biện pháp nghiệp vụ điều tra để thu thập chứng cứ mà chỉ thực hiện hỏi cung các bị can đã khởi tố để kết thúc điều tra vụ án theo hướng bỏ lọt tội phạm buôn lậu và hành vi phạm tội của Nguyễn Thị Kim H7, Nguyễn Hoàng Ú. Tại Cơ quan điều tra VKSND tối cao, Nguyễn Minh T2 khai nhận: khi được Hồ Văn T, Lê Tấn T1 chỉ đạo cho các bị can P2, T5, Miên, là những bị can phạm tội đặc biệt nghiêm trọng, bỏ trốn truy nã ra đầu thú được tại ngoại và sau nhiều lần báo cáo việc các bị can này không thành khẩn khai báo, thông cung, T, T1 đều không có ý kiến chỉ đạo thì T2 đã hiểu rằng T, T1 không muốn mở rộng điều tra vụ án, không muốn điều tra làm rõ hành vi của Nguyễn Thị Kim H7 (M), Nguyễn Hoàng Ú (Ú) để xử lý. Nguyễn Minh T2 vì sợ ảnh hưởng đến vị trí công tác của bản thân do vậy, T2 đã bỏ qua các biện pháp, yêu cầu điều tra, chỉ thực hiện hỏi cung các bị can P2, T5, M để kết thúc điều tra. Đồng thời trong quá trình điều tra, Nguyễn Minh T2 cũng nhiều lần nhận được quà (bánh, trái cây, rượu) của Mười T6 gửi và đã nhắn tin cho Lê Phước L1 hỏi vay tiền của Mười T6 nhưng không được.

Đối với Lê Tấn T1: do có mối quan hệ họ hàng quen biết nên đã nhận lời giúp Nguyễn Thị Kim H7 (M) để báo cáo đề xuất với Hồ Văn T giải quyết cho các bị can Võ Minh P2, Trần Công T5, Bùi Văn M khi ra đầu thú được tại ngoại trái pháp luật. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được phân công, T1 biết rõ trong hồ sơ vụ án có nhiều tài liệu, chứng cứ xác định được tổ chức buôn lậu, vai trò chủ mưu, cầm đầu của Mười T6, Út M1; được Điều tra viên Nguyễn Minh T2 báo cáo kết quả hỏi cung các bị can nhưng T1 cố ý không báo cáo Hồ Văn T, không chỉ đạo Điều tra viên Nguyễn Minh T2 thực hiện các biện pháp điều tra theo quy định để bỏ lọt tội phạm buôn lậu và hành vi phạm tội của Nguyễn Thị Kim H7, Nguyễn Hoàng Ú. Tại Cơ quan điều tra VKSND tối cao, Lê Tấn T1 khai nhận động cơ phạm tội do có quan hệ họ hàng với chồng của Nguyễn Thị Kim H7 (ông Huỳnh Bá K) và suy nghĩ của cá nhân T12 cho rằng Nguyễn Thị Kim H7 có mối quan hệ thân thiết với ông Bùi Bé T9, Giám đốc Công an tỉnh A nên đã nhận lời giúp đỡ Nguyễn Thị Kim H7 để báo cáo và đề xuất với Hồ Văn T cho các bị can P2, T5, M được tại ngoại và trong quá trình

điều tra có ý bỏ lọt hành vi phạm tội có liên quan đến Nguyễn Thị Kim H7 và đồng bọn.

Tại Cáo trạng số 654/CT-VKSTC-V6 ngày 03/01/2024, Viện kiểm sát nhân dân tối cao đã truy tố các bị cáo Hồ Văn T, Lê Tấn T1, Nguyễn Minh T2 về tội “Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ” theo quy định tại khoản 1 Điều 356 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại Cơ quan điều tra các bị cáo Hồ Văn T, Lê Tấn T1, Nguyễn Minh T2 khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung Cáo trạng đã nêu trên.

Tại phiên tòa, các bị cáo Hồ Văn T, Lê Tấn T1, Nguyễn Minh T2 vẫn khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung đã nêu trên, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án vắng mặt tại phiên tòa nhưng quá trình điều tra đã khai nhận phù hợp với nội dung Cáo trạng nêu trên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân luận tội đối với các bị cáo, giữ nguyên quyết định truy tố như Cáo trạng. Căn cứ vào tính chất, mức độ phạm tội, vai trò của các bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của người phạm tội, đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1, khoản 4 Điều 356; điểm s, v khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt: Hồ Văn T, Nguyễn Minh T2 từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù; Lê Tấn T1 từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù. Cấm các bị cáo đảm nhiệm chức vụ quyền hạn từ 02 năm đến 03 năm, kể từ khi chấp hành xong hình phạt tù. Áp dụng Điều 47, 48 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Trả lại 01 CPU máy tính bàn màu đen cho Phòng C5 (PC03) Công an tỉnh A.

Người bào chữa cho bị cáo Hồ Văn T có quan điểm: Thống nhất cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát nhân dân tối cao đối với bị cáo T, ngoài các tình tiết giảm nhẹ hình phạt đại diện Viện kiểm sát đã nêu, đề nghị Hội đồng xét xử có xem xét thêm cho bị cáo T có các tình tiết sau: Bị cáo chưa tiền án, tiền sự, gia đình có công với cách mạng, bản thân có nhiều thành tích trong công tác, bị cáo T là lao động chính trong gia đình, có nơi cư trú rõ ràng, đề nghị áp dụng khoản 1, khoản 2 Điều 54 Bộ luật Hình sự quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khoản 1 Điều 356 Bộ luật Hình sự, áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc cho bị cáo hưởng án treo để có cơ hội sửa sai.

Người bào chữa cho bị cáo Lê Tấn T1 có quan điểm: Viện kiểm sát nhân dân tối cao truy tố bị cáo T1 về tội “Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ” quy định tại khoản 1 Điều 356 Bộ luật Hình sự là có căn cứ. Tuy nhiên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét khi quyết định hình phạt đối với bị cáo T1; cụ thể:

Về mặt chủ quan: Do bị cáo T1 có mối quan hệ họ hàng với Nguyễn Thị Kim H7 nên dẫn đến các sai phạm của T1 trong quá trình điều tra vụ án buôn lậu, bị cáo T1 không chủ động, không vụ lợi, người chủ động nhờ giúp đỡ là Nguyễn Thị Kim H7. Mối quan hệ họ hàng này là động cơ dẫn đến hành vi

phạm tội của bị cáo T1. Bị cáo T1 chỉ xin ý kiến của cấp trên trực tiếp về quyết định biện pháp ngăn chặn đối với các bị can đầu thú trong vụ án buôn lậu, bị cáo T1 không tác động gì đến cấp trên, không hứa hẹn, tác động cấp trên bằng lợi ích vật chất nào, bà H7 cũng không đưa vật chất gì cho T1. T1 cũng thừa nhận nghiệp vụ điều tra yếu kém, chủ quan, y lại các cơ quan tiến hành tố tụng khác mới dẫn đến việc bỏ lọt tội phạm.

Về mặt khách quan: Về hành vi phạm tội của bị cáo T1 đã thỏa mãn dấu hiệu cấu thành cơ bản theo quy định tại khoản 1 Điều 356 Bộ luật Hình sự năm 2015. Đề nghị Hội đồng xét xử có xem xét đến điều kiện và hoàn cảnh phạm tội của bị cáo do dịch Covid bùng phát mạnh, phải thực hiện theo chỉ thị 16 của Thủ tướng Chính phủ. Trong quá trình điều tra bị cáo không trực tiếp chỉ đạo điều tra, không nghe điều tra viên báo cáo kế hoạch, tiến độ điều tra, sau đó được điều động công tác nên không biết kết quả điều tra trước đó. H7 khai điện thoại nhờ T1 giúp đỡ, còn T1 nhờ ai thì H7 không biết. Hành vi của T1 không có tính chất quyết định dẫn đến sai phạm trong việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn đối với bị can trong vụ án buôn lậu.

Về các tình tiết giảm nhẹ: Thống nhất các tình tiết giảm nhẹ mà Viện kiểm sát đề nghị, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng khoản 3 Điều 54 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo T1, bị cáo có nhiều cống hiến trong ngành Công an, có nhiều thành tích trong công tác, tuổi cao, nhiều bệnh cần chăm sóc y tế thường xuyên, thời gian tạm giam đến nay đã đủ sức răn đe, giáo dục bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử có xem xét cho bị cáo được đoàn tụ với gia đình.

Trong phần đối đáp một lần nữa đại diện Viện kiểm sát nhân dân vẫn giữ nguyên quan điểm như đã đề nghị tại bản luận tội nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét và quyết định hình phạt theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng, trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các quyết định, hành vi tố tụng do cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng thực hiện đúng quy định của pháp luật.

- Về sự vắng mặt của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm: ông Võ Văn H6, bà Trịnh Thị Mỹ T4 có đơn xin vắng mặt; Bùi Văn M, Võ Minh P2, Trần Công T5 hiện đang chấp hành hình phạt tù tại các Trại giam của Bộ C3; Nguyễn Thị Kim H7 và Nguyễn Hoàng Ú đang bị tạm giam trong

vụ án khác tại Trại tạm giam Công an tỉnh A. Quá trình điều tra Bùi Văn M, Võ Minh P2, Trần Công T5, Nguyễn Thị Kim H7, Nguyễn Hoàng Ú có lời khai rõ ràng, đầy đủ nên Hội đồng xét xử không triệu tập. Căn cứ vào khoản 1 Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự xét xử vắng mặt những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trên.

[2] Về nội dung: Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo Hồ Văn T, Lê Tấn T1, Nguyễn Minh T2 đã khai nhận hành vi phạm tội trong quá trình phục hồi điều tra vụ án buôn lậu xảy ra tại khu vực kênh R, xã P, huyện A, tỉnh An Giang ngày 23/12/2018 như nội dung Cáo trạng đã nêu trên. Lời khai nhận tội của các bị cáo tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng về thời gian, địa điểm, động cơ, mục đích của tội phạm và hậu quả do hành vi phạm tội gây ra, cùng các tài liệu chứng cứ khác được thu thập khách quan đúng pháp luật có trong hồ sơ vụ án. Do đó có đủ căn cứ để kết luận:

Các bị cáo Hồ Văn T, Nguyễn Minh T2, Lê Tấn T1 là Lãnh đạo, Điều tra viên thuộc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh A, được giao nhiệm vụ phục hồi điều tra vụ án đối với các bị can Võ Minh P2, Trần Công T5, Bùi Văn M về tội “Buôn lậu”, xảy ra ngày 23/12/2018 tại kênh R, xã P, huyện A, tỉnh An Giang. Quá trình điều tra vụ án, các bị cáo T, T2, T1 biết rõ P2, T5, M là các đối tượng phạm tội thuộc trường hợp đặc biệt nghiêm trọng trốn truy nã, khi đầu thú đã khai báo gian dối, thông cung, cản trở điều tra, thuộc trường hợp phải bị tạm giam. Vụ án “Buôn lậu” phạm tội có tổ chức, trong hồ sơ có nhiều chứng cứ, tài liệu phản ánh đối tượng chủ mưu, cầm đầu là Mươi T6, Út M1 và có liên quan đến nhiều đối tượng khác nhưng vì động cơ cá nhân và sợ ảnh hưởng đến vị trí công tác của bản thân, T, T2, T1 chỉ thực hiện điều tra các bị can P2, T5, M theo tội danh “Vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới”, né tránh không áp dụng các biện pháp điều tra, cố ý không thực hiện đầy đủ các hoạt động tố tụng theo quy định, dẫn đến bỏ lọt tội phạm và hành vi phạm tội buôn lậu của Nguyễn Thị Kim H7 cùng đồng phạm.

Hành vi của các bị cáo Hồ Văn T, Nguyễn Minh T2, Lê Tấn T1 đã vi phạm quy định tại điểm a, điểm g khoản 1 Điều 52; điểm a khoản 3 Điều 53; khoản 3 Điều 54 Luật Tổ chức Cơ quan điều tra hình sự; điểm b khoản 3, khoản 8 Điều 4, Điều 11 và Điều 14 Quy chế hoạt động của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh A, các quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Hậu quả dẫn đến kết luận điều tra đề nghị truy tố các bị can P2, T5, M không đúng với bản chất hành vi phạm tội, bỏ lọt hành vi phạm tội “Buôn lậu” của Mươi T6, Út M1 và các đối tượng khác. Hành vi nêu trên của các bị cáo Hồ Văn T, Nguyễn Minh T2, Lê Tấn T1 đã phạm tội “Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 356 Bộ luật Hình sự, có mức hình phạt được quy định từ cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm (tội phạm nghiêm trọng).

[3] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm

đến hoạt động đúng đắn của các cơ quan tổ chức, làm cho các cơ quan tổ chức bị suy yếu, mất uy tín, mất lòng tin của nhân dân vào cơ quan Nhà nước. Do đó, cần phải xử lý thật nghiêm minh nhằm giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung.

[4] Xét tính chất, mức độ nghiêm trọng của tội phạm, vai trò tham gia trong vụ án, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của người phạm tội, Hội đồng xét xử nhận thấy:

- Đối với Hồ Văn T: Với cương vị là Trưởng phòng Cảnh sát Kinh tế, Phó Thủ trưởng Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh A trực tiếp chỉ đạo phục hồi điều tra vụ án “Buôn lậu”, đáng lẽ bị cáo phải thực hiện đúng nhiệm vụ mình được giao, nhưng khi được Lê Tấn T1 nhờ giúp đỡ cho các bị can P2, T5, M được tại ngoại sau khi đầu thú; bị cáo đã đồng ý, dẫn tới các bị can này đã thông cung, khai báo gian dối, gây khó khăn cho hoạt động điều tra vụ án. Khi phê duyệt kế hoạch điều tra do Điều tra viên Nguyễn Minh T2 trình, biết rõ nội dung bản kế hoạch điều tra nhận định, đánh giá các tài liệu, chứng cứ phản ánh trực tiếp về hành vi buôn lậu của Mười T6, Út M1 và các biện pháp điều tra phải thực hiện, biết rõ nhóm buôn lậu do Mười T6 cầm đầu đã tổ chức hoạt động kéo dài nhiều năm trên địa bàn tỉnh An Giang cần phải điều tra làm rõ để khởi tố xử lý, nhưng T đã không chỉ đạo Điều tra viên T2 thực hiện điều tra theo Kế hoạch; khi quyết định thay đổi tội danh từ tội “*Buôn lậu*” sang tội “*Vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới*” và kết thúc điều tra vụ án, không báo cáo xin ý kiến của Thủ trưởng Cơ quan Cảnh sát điều tra theo quy định. Bị cáo T khai nhận nguyên nhân không chỉ đạo Điều tra viên Nguyễn Minh T2 điều tra làm rõ hành vi buôn lậu của Mười T6, Út M1 vì qua dư luận xã hội ở địa phương và suy nghĩ của cá nhân T cho rằng Mười T6 và Giám đốc Công an tỉnh A có mối quan hệ thân thiết nên đã né tránh điều tra làm rõ sự thật vụ án vì ngại va chạm, sợ bị ảnh hưởng đến vị trí công tác của bản thân. Xác định bị cáo có vai trò chính trong vụ án nên cần áp dụng mức hình phạt tù nghiêm khắc tương xứng với tính chất, mức độ và hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra.

- Đối với Lê Tấn T1: Với cương vị là Phó Trưởng phòng Cảnh sát kinh tế Công an tỉnh A, được giao nhiệm vụ chỉ huy điều tra án nói chung và chỉ huy điều tra vụ án buôn lậu xảy ra tại kênh R, xã P, huyện A nói riêng. Bị cáo có mối quan hệ họ hàng với chồng của Nguyễn Thị Kim H7 nhưng không báo cáo cấp trên từ chối nhiệm vụ mà vẫn tham gia với vai trò chỉ đạo vụ án. Khi được H7 nhờ giúp các bị can P2, T5, M khi ra đầu thú được tại ngoại, bị cáo đã báo cáo đề xuất với Hồ Văn T giải quyết cho các bị can P2, T5, M được tại ngoại trái pháp luật. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ T1 biết rõ trong hồ sơ vụ án có nhiều tài liệu, chứng cứ xác định được vai trò chủ mưu, cầm đầu của Mười T6, Út M1; được Điều tra viên Nguyễn Minh T2 báo cáo kết quả hỏi cung các bị can nhưng không báo cáo Hồ Văn T, không chỉ đạo Điều tra viên Nguyễn Minh T2 thực hiện các biện pháp điều tra theo quy định để bỏ lọt tội phạm buôn lậu và hành vi phạm tội của Nguyễn Thị Kim H7, Nguyễn Hoàng Ú. Bị cáo T1 thừa nhận động cơ phạm tội do có quan hệ họ hàng với chồng của Nguyễn Thị Kim

H7 và cho rằng Nguyễn Thị Kim H7 có mối quan hệ thân thiết với Lãnh đạo Công an tỉnh A nên đã nhận lời giúp đỡ Nguyễn Thị Kim H7, đề xuất với Hồ Văn T cho các bị can P2, T5, M được tại ngoại, trong quá trình điều tra cố ý bỏ lọt hành vi phạm tội có liên quan đến Nguyễn Thị Kim H7 và đồng bọn. Tuy bị cáo T1 là cấp dưới của bị cáo T nhưng vai trò trong vụ án là người khởi xướng, chủ động gợi ý với bị cáo T cho các bị can P2, T5, M khi đầu thú được tại ngoại trái pháp luật, quá trình thực hiện nhiệm vụ không chỉ đạo Điều tra viên tiến hành đầy đủ các hoạt động điều tra để chứng minh vai trò của H7 và Út M1 trong vụ án buôn lậu. Do đó, xác định bị cáo là người khởi xướng, là nguyên nhân dẫn đến hậu quả của tội phạm và cần thiết phải áp dụng mức hình phạt tù bằng với bị cáo T mới có tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung.

- Đối với Nguyễn Minh T2: Với trách nhiệm là Điều tra viên được phân công thụ lý chính điều tra vụ án buôn lậu, biết rõ vai trò của các bị can Võ Minh P2, Trần Công T5, Bùi Văn M trong vụ án, khi được phân công làm thủ tục tiếp nhận đầu thú và ghi lời khai các bị can thấy các bị can khai báo gian dối, không thừa nhận hành vi phạm tội nhưng không đề xuất bắt tạm giam. T2 biết trong hồ sơ vụ án có nhiều tài liệu chứng cứ thể hiện Mười Tường, Út M1 là các đối tượng phạm tội có vai trò chủ mưu, cầm đầu đường dây buôn lậu, T2 đã chủ động xây dựng Kế hoạch điều tra đề ra các biện pháp điều tra và Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang cũng đề ra các Yêu cầu điều tra làm rõ các nội dung này nhưng khi tiến hành điều tra, T2 đã không thực hiện theo Kế hoạch, không sử dụng đầy đủ các biện pháp nghiệp vụ điều tra để thu thập chứng cứ mà chỉ thực hiện hỏi cung các bị can đã khởi tố để kết thúc điều tra vụ án theo hướng bỏ lọt tội phạm buôn lậu và hành vi phạm tội của Nguyễn Thị Kim H7, Nguyễn Hoàng Ú. T2 thừa nhận khi bị can P2, T5, M ra đầu thú được tại ngoại và sau nhiều lần báo cáo việc các bị can này không thành khẩn khai báo, thông cung, T, T1 đều không có ý kiến chỉ đạo thì T2 đã hiểu rằng T, T1 không muốn mở rộng điều tra vụ án, không muốn điều tra làm rõ hành vi của Nguyễn Thị Kim H7, Nguyễn Hoàng Ú để xử lý. T2 sợ ảnh hưởng đến vị trí công tác của bản thân nên đã bỏ qua các biện pháp, yêu cầu điều tra. Đồng thời trong quá trình điều tra, Nguyễn Minh T2 cũng nhiều lần nhận được quà tặng của Mười T6 gửi và đã nhắn tin cho Lê Phước L1 hỏi vay tiền của Mười T6 nhưng không được. Tuy nhiên bị cáo cũng soạn thảo kế hoạch điều tra trong đó có đề cập đến nội dung cần phải làm việc với Nguyễn Thị Kim H7, xác minh, truy tìm Nguyễn Hoàng Ú, T2 không có quyền quyết định việc cho các bị can trong vụ buôn lậu tại ngoại nên xác định vai trò trong vụ án là thấp hơn so với các bị cáo T và T1, xong cũng cần áp dụng hình phạt tù đối với bị cáo T2 tương đương với bị cáo T và bị cáo T1 mới có tác dụng giáo dục răn đe và phòng ngừa chung.

Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đều

thành khẩn khai báo và thực sự ăn năn hối cải; quá trình công tác được tặng thưởng nhiều bằng khen của Bộ C3, bằng khen của Ủy ban nhân dân tỉnh A, huân, huy chương; chiến sĩ thi đua cơ sở nhiều năm, bị cáo T2 có bố mẹ là người tham gia cách mạng được tặng thưởng nhiều huân, huy chương, các bị cáo phạm tội lần đầu, chưa tiền án tiền sự, có nhiều cống hiến cho ngành Công an. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự để xem xét cho các bị cáo trong khi lượng hình.

[5] Xét thấy, hậu quả của tội phạm là nghiêm trọng, việc cho các bị cáo được cải tạo tại địa phương sẽ không có tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung, cần chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa để buộc các bị cáo phải chấp hành hình phạt tù một thời gian mới có tác dụng giáo dục cải tạo các bị cáo trở thành người lương thiện, người công dân có ích cho xã hội. Lập luận nêu trên cũng đồng nghĩa với đề nghị của người bào chữa cho bị cáo T được cải tạo tại địa phương không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 4 Điều 356 Bộ luật Hình sự năm 2015 thì người phạm tội còn bị cấm đảm nhiệm chức vụ nhất định từ 01 đến 05 năm, có thể bị phạt tiền từ 10 triệu đồng đến 100 triệu đồng. Xét thấy, nếu để các bị cáo đảm nhiệm chức vụ hoặc làm công việc có liên quan đến tội phạm thì có thể gây nguy hại cho xã hội, việc áp dụng hình phạt bổ sung cấm đảm nhiệm chức vụ quyền hạn là cần thiết, cần chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa để cấm các bị cáo đảm nhiệm chức vụ có liên quan đến tội phạm từ 02 đến 03 năm sau khi chấp hành xong hình phạt tù.

[7] Về vật chứng: 01 CPU máy tính bàn màu đen, đây là tài sản của Phòng Cảnh sát kinh tế Công an tỉnh A không liên quan đến tội phạm nên cần trả lại cho chủ sở hữu.

[8] Đối với người có liên quan trong vụ án gồm:

- Lãnh đạo, Kiểm sát viên Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang: Quá trình thực hiện nhiệm vụ chưa kiểm sát chặt chẽ việc Điều tra viên thực hiện các yêu cầu điều tra; không kịp thời phát hiện ra các mâu thuẫn trong hồ sơ để yêu cầu Điều tra viên điều tra làm rõ; có nhiều biện pháp Điều tra viên chưa thực hiện nhưng đã đồng ý với quan điểm đánh giá của Điều tra viên để thay đổi tội danh. Nguyên nhân để xảy ra vi phạm do Kiểm sát viên chưa thực hiện đầy đủ nhiệm vụ, quyền hạn của mình. Kết quả điều tra không chứng minh được lỗi cố ý của Kiểm sát viên với Điều tra viên. Trong Cáo trạng, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang đã thể hiện rõ quan điểm: *“Tiếp tục điều tra làm rõ vai trò của Nguyễn Thị Kim H7, Nguyễn Hoàng Ú1 đối với vụ án...”*. Vi phạm của các cá nhân liên quan đã bị Ủy ban kiểm tra tỉnh ủy A kiểm điểm làm rõ; đã bị xử lý kỷ luật theo quy định của Đảng và ngành Kiểm sát là phù hợp.

- Đối với các ông Trần Văn T8 là Điều tra viên thụ lý chính và Lê Văn Đ1 là Phó Thủ trưởng Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh A ở giai đoạn điều tra

ban đầu đã không điều tra làm rõ hành vi phạm tội của Mười T6, Út M1. Tuy nhiên, ở giai đoạn này, các bị can P2, T5, M đã bỏ trốn nên chưa đủ chứng cứ, tài liệu để đấu tranh làm rõ. Cơ quan điều tra Viện kiểm sát nhân dân tối cao xác định không có đủ chứng cứ để xem xét xử lý trách nhiệm hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

- Đối với ông Nguyễn Tấn P3 là Phó Giám đốc, Thủ trưởng Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh A, trong quá trình thực hiện nhiệm vụ còn chủ quan chưa kịp thời theo dõi, chỉ đạo, đề cấp dưới áp dụng biện pháp ngăn chặn đối với các bị can P2, T5, M không phù hợp quy định pháp luật, kết quả điều tra vụ án không đúng bản chất của tội phạm dẫn đến việc bỏ lọt hành vi phạm tội của Mười T6, Út M1 và những người liên quan. Tuy nhiên, ông P3 không phải là người trực tiếp quyết định việc bỏ lọt hành vi phạm tội này, Cơ quan điều tra đã kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xem xét xử lý kỷ luật là phù hợp.

- Đối với ông Bùi Bé T9, nguyên Giám đốc Công an tỉnh A: Các bị cáo T, T1, T2 đều khai nguyên nhân không điều tra làm rõ hành vi của Mười T6, Út M1 là do lo sợ mối quan hệ cá nhân của Mười T6 với ông Bùi Bé T9. Tuy nhiên, kết quả điều tra không thu thập được tài liệu chứng cứ xác định mối quan hệ thân thiết của ông Bùi Bé T9 với Mười T6, không xác định được ông Bùi Bé T9 chỉ đạo việc cho các bị can P2, T5, M được tại ngoại và không điều tra làm rõ hành vi phạm tội của Mười T6, Út M1 nên Cơ quan điều tra không xem xét trách nhiệm là có căn cứ, đúng pháp luật.

- Đối với các bị án Nguyễn Văn D, Lê Văn Đ, Nguyễn Văn L và Trần Văn T7 đã bị điều tra, truy tố, xét xử về tội “*Vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới*”, mặc dù không đúng bản chất hành vi phạm tội nhưng hành vi nêu trên đã được xét xử bằng Bản án có hiệu lực pháp luật nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét giải quyết tiếp.

[9] Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo Hồ Văn T, Lê Tấn T1, Nguyễn Minh T2 phạm tội “Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ”.

1. Căn cứ khoản 1 Điều 356; điểm s, điểm v khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38 của Bộ luật Hình sự,

Xử phạt bị cáo Hồ Văn T 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam (ngày 30/6/2023).

2. Căn cứ khoản 1 Điều 356; điểm s, điểm v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58, Điều 38 của Bộ luật Hình sự,

Xử phạt bị cáo Lê Tấn T1 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam (ngày 22/10/2022).

3. Căn cứ khoản 1 Điều 356, điểm s, điểm v khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38 của Bộ luật Hình sự,

Xử phạt bị cáo Nguyễn Minh T2 01 (một) năm 05 (năm) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam (ngày 30/6/2023).

Căn cứ khoản 4 Điều 356, Điều 41 của Bộ luật Hình sự: Cấm các bị cáo Hồ Văn T, Lê Tấn T1 và Nguyễn Minh T2 đảm nhiệm chức vụ liên quan đến hành vi phạm tội trong thời hạn 02 (hai) năm, kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù.

Căn cứ Điều 48 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Trả lại cho Phòng C5 (PC03) Công an tỉnh A 01 CPU máy tính bàn màu đen (đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 17/01/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh An Giang).

Căn cứ Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án: Buộc Hồ Văn T, Lê Tấn T1, Nguyễn Minh T2 mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Minh Phượng

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP. HCM (1);
- VKSND cấp cao tại TP. HCM (1);
- VKSND tỉnh An Giang (2);
- CQĐT VKSND tối cao (1);
- Văn phòng CQCSĐT CA An Giang(1);
- Phòng Hồ sơ nghiệp vụ CA An Giang (1);
- Phòng Cảnh sát kinh tế CA An Giang (1);
- Sở Tư pháp (1);
- Cục THADS tỉnh An Giang (1);
- Bị cáo (3);
- Người bào chữa (4);
- Người có QLNVLQ (7);
- UBND phường Bình Khánh, UBND phường Mỹ Hòa, TP. Long Xuyên, (thay

thông báo) (2);

- Phòng KTNVTHA (7);

- Lưu: Tòa Hình sự, Văn phòng, hồ sơ.